

Đơn vị: Trường Mầm Non Bình Minh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Chương: 622

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày 05 tháng 7 Năm 2023

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường Mầm non Bình Minh công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2023 như sau:

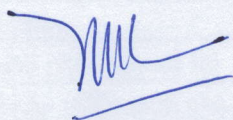
ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2023	Thực hiện 6 tháng năm 2023	Thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện 3 tháng năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
1	Số thu phí, lệ phí				
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
3	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
B	Tổng số thu, chi, nộp NS từ thu sự nghiệp, thu dịch vụ				
1	Số thu	2.232.330.000	1.157.706.000		
	Học phí	487.080.000	280.680.000	58%	303%
	Năng khiếu	240.000.000	234.790.000	98%	211%
	Học hè	382.000.000	66.902.000	18%	
	Vệ sinh bán trú	45.000.000	26.100.000	58%	231%
	Phục vụ ăn sáng	337.500.000	195.405.000	58%	234%
	Phục vụ bán trú	607.500.000	351.729.000	58%	231%
	Nhân viên nuôi dưỡng	83.250.000	0	0%	
	Thiết bị phục vụ bán trú	50.000.000	2.100.000	4%	263%
2	Chi từ nguồn thu được để lại	2.232.330.000	224.879.276		
	Học phí	487.080.000	1.157.980	0%	5%
	Năng khiếu	240.000.000	45.104.000	19%	100%
	Học hè	382.000.000	0	0%	
	Vệ sinh bán trú	45.000.000	8.842.702	20%	123%
	Phục vụ ăn sáng	337.500.000	81.118.188	24%	106%
	Phục vụ bán trú	607.500.000	77.794.906	13%	54%
	Nhân viên nuôi dưỡng	83.250.000	9.360.000	11%	234%
	Thiết bị phục vụ bán trú	50.000.000	1.501.500	3%	
3	Số thu nộp NSNN	0	0	0%	

C	Dự toán chi ngân sách nhà nước	6.646.433.000	2.407.378.473		
I	Nguồn ngân sách trong nước	6.646.433.000	2.407.378.473		
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	6.646.433.000	2.407.378.473		
1.1	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	6.646.433.000	2.407.378.473	36%	346%
	Tiền lương	1.440.150.000	695.643.756	48%	284%
6001	Lương ngạch bậc theo quỹ lương được duyệt	1.440.150.000	695.643.756	48%	284%
6001	Lương tập sự	0	-		
	Tiền công trả cho người lao động	198.000.000	50.000.000	25%	116%
6051	Tiền công LĐTX theo hợp đồng	198.000.000	50.000.000	25%	116%
	Phụ cấp lương	1.504.118.000	701.162.530	47%	319%
6101	Chức vụ	35.760.000	17.880.000	50%	364%
6105	Thêm giờ	348.617.000	132.727.700	38%	639%
6112	Phụ cấp ưu đãi	506.554.000	238.038.684	47%	247%
6113	Trách nhiệm	1.788.000	4.917.000	275%	
6115	Phụ cấp thâm niên nghề, PC TN vượt khung	243.525.000	123.446.321	51%	505%
6115	Phụ cấp Thâm niên VK	0	-		
6116	Phụ cấp đặc biệt khác của ngành	367.874.000	184.152.825	50%	250%
	Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học	5.580.000	0	#DIV/0!	0
6157	Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập	5.580.000	-	0%	
6199	Các khoản hỗ trợ khác		-	#DIV/0!	
	Tiền thưởng	0	0	0	0
6201	Thưởng thường niên		-		
	Các khoản đóng góp	450.599.000	208.437.972	46%	279%
6301	Bảo hiểm xã hội	335.551.000	155.219.765	46%	279%
6302	Bảo hiểm y tế	57.523.000	26.609.103	46%	279%
6303	Kinh phí công đoàn	38.349.000	17.739.403	46%	279%
6304	Bảo hiểm thất nghiệp	19.176.000	8.869.701	46%	279%
	Các khoản thanh toán cá nhân	507.060.000	227.438.000	45%	211%
6401	Thanh toán tiền ăn trưa	2.880.000	-	0%	#DIV/0!
6404	Chi TNTT theo cơ chế khoán, tự chủ		-	#DIV/0!	#DIV/0!
6449	Chi khác	504.180.000	227.438.000	45%	211%
	TIỂU NHÓM 0130: CHI VỀ HÀNG HÓA, DỊCH VỤ		-		
	Thanh toán dịch vụ công cộng	144.000.000	47.113.505	0	0
6501	Thanh toán tiền điện	72.000.000	17.709.195		
6502	Thanh toán tiền nước	72.000.000	29.404.310	41%	
	Công tác phí	19.200.000	9.600.000	50%	246%
6704	Khoản công tác phí	19.200.000	9.600.000	50%	246%
	Mua sắm tài sản phục vụ công tác CM	92.143.000	0		
6955	Tài sản và các thiết bị văn phòng		-		
6999	Tài sản và thiết bị khác	92.143.000	-	0%	#DIV/0!

	TIỂU NHÓM 0132: CÁC KHOẢN CHI KHÁC		0	0	#DIV/0!
	Chi khác	318.975.000	0	0	#DIV/0!
7764	Chi lập quỹ khen thưởng theo chế độ	11.175.000	-	0%	#DIV/0!
7766	Cấp bù học phí cho các cơ sở giáo dục đào tạo theo chế độ	307.800.000	-	0%	#DIV/0!
	NGUỒN 14				
	TIỂU NHÓM 0129: CHI THANH TOÁN CHO CÁ NHÂN				
	CÁC KHOẢN THANH TOÁN CÁ NHÂN	34.368.000	0	0	#DIV/0!
6001	Kinh phí tiết kiệm 10% để thực hiện cải cách tiền lương	34.368.000	-	0%	#DIV/0!
	NGUỒN 14				
	TIỂU NHÓM 0129: CHI THANH TOÁN CHO CÁ NHÂN				
	CÁC KHOẢN THANH TOÁN CÁ NHÂN	1.932.240.000	467.982.710	0	#DIV/0!
6449	Chi CNTT theo NQ 03/2018/NQ-HĐND	1.932.240.000	467.982.710	24%	#DIV/0!
II	Nguồn vốn viện trợ				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				

Kế toán



Nguyễn Thị Tuyết Mai

Ngày 05 tháng 7 năm 2023

CHIEU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Kim Phục